

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ 2026
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XỔ SỐ KIẾN THIẾT
VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt

Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh

MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 – 06
<i>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</i>	
3. Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	07 – 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	09 – 10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	11 – 12
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	13 – 44
7. Phụ lục	45 – 59

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên**. Mã số doanh nghiệp **3800100513**; đăng ký lần đầu ngày 25 tháng 12 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 25 tháng 9 năm 2025.

Vốn điều lệ : 505.500.000.000 Đồng

Chủ sở hữu : Ủy ban Nhân dân Thành phố Đồng Nai

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Thương mại và Dịch vụ

Tổ chức hoạt động kinh doanh:

Hệ thống hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có:

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 725 Quốc lộ 14, Khu phố Tân Bình 2, Phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai

Điện thoại : (0271) 387 0296

Fax : (0271) 387 0318

Mã số DN : 3800100513

Đơn vị trực thuộc Khách sạn Bombo – Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước

Địa chỉ : Số 685 Quốc lộ 14, Khu phố Tân Bình 2, Phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai

Mã số DN : 3800100513-001



CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Chủ tịch Công ty

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Xuân Hiệp

Ban Điều hành Công ty

- | | | |
|----|----------------------|----------------|
| 1. | Ông Nguyễn Đăng Khoa | Giám đốc |
| 2. | Ông Trần Văn Sang | Phó Giám đốc |
| 3. | Ông Nguyễn Xuân Cừ | Kế toán trưởng |

Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy Chủ tịch Công ty

Ông Nguyễn Đăng Khoa Giám đốc

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 44.

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ 2026 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục;
- * Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Công ty, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác; đồng thời cam kết thực hiện đúng các quy định công bố Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho các cơ quan quản lý Nhà nước.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Giám đốc - Nguyễn Đăng Khoa

Thành phố Đồng Nai, ngày 15 tháng 7 năm 2026

Số: 0107.01-01/2026/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: CHỦ SỞ HỮU, CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

**CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP
BÌNH PHƯỚC**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước được lập ngày 15 tháng 7 năm 2026, từ trang 07 đến trang 44, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Công ty Xổ số Kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của

kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Các chi tiêu Phải trả người lao động và Chi phí tiền lương trong kỳ được ghi nhận trên cơ sở tạm trích, do Công ty chưa có đủ thông tin để xác định được các yếu tố lợi nhuận và tỷ suất lợi nhuận trong năm để xác định quỹ tiền lương thực hiện cho năm 2026.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng vì vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước.

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số kiến thiết hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 7 năm 2026

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0486-2023-124-1

Kiểm toán viên – Lê Ân Thoa

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 4705-2024-124-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

ĐVT: Đồng

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.057.949.312.330	1.142.555.508.619
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		77.377.965.634	765.801.942.271
111	1. Tiền	V.1	58.191.039.141	9.623.307.818
112	2. Các khoản tương đương tiền	V.2	19.186.926.493	756.178.634.453
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		701.135.904.621	121.068.349.317
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	V.3	701.135.904.621	121.068.349.317
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		266.291.050.540	247.108.287.517
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.4	265.232.281.342	246.547.094.271
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.5	60.396.748	96.491.147
135	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.6	998.132.450	464.452.099
137	4. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	240.000	250.000
140	IV. Hàng tồn kho		5.012.363.721	4.379.371.973
141	1. Hàng tồn kho	V.8	5.012.363.721	4.379.371.973
150	V. Tài sản sinh học ngắn hạn		-	-
160	VI. Tài sản ngắn hạn khác		8.132.027.814	4.197.557.541
161	1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	V.9	3.132.027.814	3.616.918.917
163	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	5.000.000.000	580.638.624
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		110.446.353.778	113.726.918.648
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		22.000.000	22.000.000
215	1. Phải thu dài hạn khác	V.11	22.000.000	22.000.000
220	II. Tài sản cố định		97.301.793.549	100.214.808.706
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.12	75.057.474.184	77.507.693.000
222	- Nguyên giá		124.714.723.103	124.714.723.103
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(49.657.248.919)	(47.207.030.103)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.13	22.244.319.365	22.707.115.706
228	- Nguyên giá		24.299.075.280	24.299.075.280
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.054.755.915)	(1.591.959.574)
230	III. Tài sản sinh học dài hạn		-	-
240	IV. Bất động sản đầu tư		-	-
250	V. Tài sản dở dang dài hạn		-	-
260	VI. Đầu tư tài chính dài hạn		12.500.000.000	12.500.000.000
263	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.14	12.500.000.000	12.500.000.000
270	VII. Tài sản dài hạn khác		622.560.229	990.109.942
271	1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	V.15	622.560.229	990.109.942
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.168.395.666.108	1.256.282.427.267

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DVTH BÌNH PHƯỚC

Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		288.339.756.822	750.782.427.267
310	I. Nợ ngắn hạn		288.339.756.822	750.782.427.267
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	1.234.630.581	2.825.663.984
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	36.247.911	43.810.448
314	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	V.18	209.011.457.774	682.792.156.940
315	4. Phải trả người lao động	V.19	-	9.454.961.767
316	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.20	50.447.621.689	18.915.660.809
320	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.21	406.932.298	571.150.600
323	7. Dự phòng rủi ro trả thường	V.23	-	-
324	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.22	27.202.866.569	36.179.022.719
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU	V.24	880.055.909.286	505.500.000.000
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.24.1	505.500.000.000	505.500.000.000
420	2. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.24.2	374.555.909.286	-
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		374.555.909.286	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.168.395.666.108	1.256.282.427.267

CÁC CHỈ TIÊU THEO DỐI NGOÀI BẢNG

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
004	1 Nợ khó đòi đã xử lý		1.752.216.046	1.752.216.046
006	2 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thế chấp		506.198.313.064	426.461.295.172
008	3 Doanh số phát hành xổ số kiến thiết		160.000.000.000	140.000.000.000

Thành phố Đồng Nai, ngày 15 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc






Lưu Đức Dũng

Nguyễn Xuân Cử

Nguyễn Đăng Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

ĐVT: Đồng

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
01	1. Doanh thu	VI.25	3.041.176.299.292	2.630.545.746.262
01.1	1.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		3.035.213.109.105	2.623.984.654.542
01.1.1	1.1.1 Xổ số truyền thống		3.035.213.109.105	2.610.334.263.634
01.1.2	1.1.2 Xổ số tự chọn		-	13.650.390.908
01.2	1.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.411.664.261	6.070.306.536
01.3	1.3 Doanh thu khác		551.525.926	490.785.184
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.25	395.897.362.057	342.258.867.984
02.1	2.1 Giảm trừ doanh thu kinh doanh xổ số		395.897.362.057	342.258.867.984
02.1.1	2.1.1 Xổ số truyền thống		395.897.362.057	340.478.382.213
02.1.2	2.1.2 Xổ số tự chọn		-	1.780.485.771
02.2	2.2 Giảm trừ doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
02.3	2.3 Giảm trừ doanh thu khác		-	-
10	3. Doanh thu thuần	VI.25	2.645.278.937.235	2.288.286.878.278
10.1	3.1 Doanh thu kinh doanh xổ số		2.639.315.747.048	2.281.725.786.558
10.1.1	3.1.1 Xổ số truyền thống		2.639.315.747.048	2.269.855.881.421
10.1.2	3.1.2 Xổ số tự chọn		-	11.869.905.137
10.2	3.2 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.411.664.261	6.070.306.536
10.3	3.2 Doanh thu khác		551.525.926	490.785.184
11	4. Chi phí kinh doanh	VI.26	2.144.305.041.757	1.922.894.917.131
11.1	4.1 Chi phí kinh doanh xổ số		2.139.858.183.721	1.917.676.994.870
	4.1.1 Chi phí trả thưởng		1.595.485.700.000	1.445.926.155.000
	4.1.2 Chi phí trực tiếp phát hành xổ số		544.372.483.721	471.750.839.870
11.2	4.2 Giá vốn hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ đã bán		4.446.858.036	5.217.922.261
11.3	4.3 Giá vốn khác		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp		500.973.895.478	365.391.961.147
20.1	5.1 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh xổ số		499.457.563.327	364.048.791.688
20.2	5.2 Lợi nhuận từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ khác		964.806.225	852.384.275
20.3	5.3 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh khác		551.525.926	490.785.184

ĐVT: Đồng				
Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
21	6. Lãi / lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-
22	7. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.27	12.663.386.101	17.157.539.960
23	8. Chi phí tài chính		-	-
24	<i>Trong đó: Chi phí đi vay</i>		-	-
25	9. Chi phí bán hàng		-	-
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.28	35.977.010.607	58.523.711.068
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		477.660.270.972	324.025.790.039
31	12. Thu nhập khác	VI.29	548.981.398	228.944.410
32	13. Chi phí khác	VI.30	138.531.314	73.581.104
40	14. Lợi nhuận khác		410.450.084	155.363.306
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		478.070.721.056	324.181.153.345
51	16. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.31	103.514.811.770	64.632.329.020
60	17. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		374.555.909.286	259.548.824.325

Thành phố Đồng Nai, ngày 15 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu



Lưu Đức Dũng

Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Cừ

Giám đốc



Nguyễn Đăng Khoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

(Theo phương pháp trực tiếp)

ĐVT: Đồng

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		2.849.765.842.298	2.430.997.674.192
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(60.748.421.584)	(74.155.912.435)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(21.735.385.116)	(26.043.961.321)
04	4. Chi phí đi vay đã trả		-	-
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.18	(123.028.302.741)	(108.709.200.665)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.274.722.274	27.979.533.450
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.299.198.492.491)	(2.100.184.273.800)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		348.329.962.640	149.883.859.421
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(2.518.541.667)	(3.572.099.410)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(726.520.951.210)	(2.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		146.453.395.906	1.470.175.524
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		12.744.987.284	16.038.801.032
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(569.841.109.687)	11.936.877.146
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-

ĐVT: Đồng

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.18	(466.912.829.590)	(409.896.321.993)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(466.912.829.590)	(409.896.321.993)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(688.423.976.637)	(248.075.585.426)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	V.1	765.801.942.271	853.595.845.049
61	- Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	77.377.965.634	605.520.259.623

Thành phố Đồng Nai, ngày 15 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Lưu Đức Dũng

Nguyễn Xuân Cử

Nguyễn Đăng Khoa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Công ty TNHH Một thành viên Xổ số Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước (sau đây gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn : Công ty TNHH Một thành viên 100% vốn Nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại và Dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Xổ số Kiến thiết và các dịch vụ vui chơi có thưởng;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong niên độ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Công ty đã dừng hoạt động kinh doanh loại hình xổ số tự chọn kể từ 01/8/2025 theo Quyết định số 840/QĐ-XSBP ngày 31/7/2025 của Chủ tịch Công ty, do đó doanh thu và các chi phí liên quan đến hoạt động xổ số tự chọn 6 tháng năm 2026 không phát sinh, kéo theo sự sụt giảm về doanh thu và chi phí so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

6. Cấu trúc Công ty

Hoạt động kinh doanh của Công ty gồm có 2 lĩnh vực: Lĩnh vực Xổ sổ và lĩnh vực Nhà hàng Khách sạn. Cấu trúc Công ty gồm có:

- ❖ **Trụ sở chính** - Công ty TNHH Một thành viên Xổ sổ Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước thành lập ngày 25 tháng 12 năm 2008:

Địa chỉ : Số 725 Quốc lộ 14, Khu phố Tân Bình 2, Phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai

Mã số : 3800100513

- ❖ **Khách sạn Bombo** – Đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Bình Phước thành lập ngày 27 tháng 6 năm 2013:

Địa chỉ : Số 685 Quốc lộ 14, Khu phố Tân Bình 2, Phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai

Mã số : 3800100513-001

7. Số lượng người lao động

Số lượng người lao động bình quân trong kỳ là 117 người.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại:

- Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19 tháng 8 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với Công ty Xổ sổ Kiến thiết.
- Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Xổ số Kiến thiết hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

3. Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

- Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.
- Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

- Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.
- Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

- Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.
- Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp Nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

5. Tài sản cố định

Được coi là Tài sản cố định nếu thỏa mãn đồng thời cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;
- Có thời gian sử dụng trên 1 năm trở lên;
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách tin cậy và có giá trị từ 30.000.000 Đồng (ba mươi triệu đồng) trở lên.

5.1 Tài sản cố định hữu hình

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ kế toán.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016; Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính và Thông tư số 30/2025/TT-BTC ngày 30/5/2025 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

Nhóm Tài sản cố định hữu hình	Số năm
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50
+ Máy móc, thiết bị	05 - 20
+ Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 08
+ Tài sản cố định khác	08 - 25

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

5.2 Tài sản cố định vô hình

- Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.
- Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng.
- TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm:

❖ Quyền sử dụng đất

- Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất);
- Chi trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

❖ Phần mềm máy vi tính

- Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.
- Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là từ 05 đến 10 năm.

6. Các khoản đầu tư tài chính

❖ Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ kế toán và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

❖ **Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

- Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

7. Các khoản chờ phân bổ

- Chi phí chờ phân bổ (trả trước) là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn hoặc chi phí chờ phân bổ dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính.
- Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.
- Chi phí chờ phân bổ tại công ty bao gồm các chi phí sửa chữa và các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại theo tính chất kinh tế và phản ánh theo giá gốc bao gồm:

- Phải trả người bán / người mua trả tiền trước: là các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ;
- Các khoản phải trả khác: là các khoản phải trả không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hoá dịch vụ.

Nợ phải trả được ghi nhận trong Báo cáo tình hình tài chính khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Trên Báo cáo tình hình tài chính, các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

9. Chi phí phải trả

- Là các khoản phải trả đã được dự tính và trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa trả (bao gồm hàng hoá dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng chưa đủ hồ sơ tài liệu để chi trả; tiền lương nghỉ phép của người lao động; chi phí lãi tiền vay trả sau...).
- Chi phí phải trả là nghĩa vụ nợ hiện tại, xác định được thời gian phải thanh toán, số sẽ phải trả và là một phần của các khoản phải trả thương mại hoặc phải trả khác.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ và phải được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế phải được hoàn nhập. Những khoản chi phí trích trước chưa sử dụng cuối năm phải được giải trình trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

10. Dự phòng rủi ro trả thưởng

Dự phòng rủi ro trả thưởng thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ, quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam. Các quy định cơ bản như sau:

- Việc trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng chỉ áp dụng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật và tại thời điểm trích lập, Công ty không bị lỗ.
- Điều kiện trích lập: Trong kỳ trích lập, doanh nghiệp kinh doanh xổ số có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch theo quy định của pháp luật về kinh doanh xổ số.
- Công ty tiến hành trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Mức trích lập của Công ty đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không vượt quá 3% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập.
- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng để trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong năm lớn hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau. Trường hợp số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đã trích lập trong kỳ vượt giới hạn quy định thì được hoàn nhập vào thu nhập khác.

11. Vốn chủ sở hữu

❖ *Vốn góp của chủ sở hữu*

Là vốn thuộc quyền sở hữu của Nhà nước.

❖ *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

❖ *Việc phân phối lợi nhuận và sử dụng các quỹ trích lập từ lợi nhuận*

- Việc phân phối lợi nhuận năm 2025 được thực hiện theo quy định tại Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp có hiệu lực

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2025.

- Việc sử dụng các quỹ trích lập từ lợi nhuận được thực hiện theo quy định tại Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Nghị định số 366/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ về đầu tư vốn của Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.
- Việc trích lập và sử dụng các quỹ nêu trên phải được sự chấp thuận của chủ sở hữu và thực hiện công khai theo quy chế công khai tài chính, quy chế dân chủ ở cơ sở và quy định của Nhà nước.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

- Doanh thu của Công ty bao gồm: Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép và doanh thu từ hoạt động thương mại, dịch vụ, tài chính khác;
- Việc ghi nhận doanh thu của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

❖ *Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số*

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được ghi nhận là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ.

Do đặc thù của hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số, doanh thu từ hoạt động này được quản lý theo hai tiêu chí: “Doanh thu có thuế” và “Doanh thu chưa có thuế”

- “*Doanh thu có thuế*” là doanh thu đã bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giá.
- “*Doanh thu chưa có thuế*” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế Giá trị gia tăng và thuế Tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu theo tiêu chí này nhằm để xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

❖ *Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số*

Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp kinh doanh xổ số đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện sau:

- a. Kết quả của giao dịch được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- b. Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- c. Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo tình hình tài chính;
- d. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ.

❖ Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

13. Các khoản chi phí

- Doanh nghiệp kinh doanh xổ số chỉ được hạch toán vào chi phí các khoản phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu, riêng chi phí trả thưởng được xác định theo thực tế phát sinh. Việc xác định chi phí của doanh nghiệp kinh doanh xổ số được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.
- Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, doanh nghiệp kinh doanh xổ số được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù theo hướng dẫn tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 và Thông tư 138/2017/TT-BTC ngày 25/12/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số khoản chi phí đặc thù đối với Doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

14. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

15. Chi phí Thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.
- Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

16. Báo cáo theo bộ phận

Công ty chủ yếu kinh doanh trong lĩnh vực xổ số (lĩnh vực kinh doanh khác chiếm tỷ trọng nhỏ không đáng kể), đồng thời toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện tại Việt Nam, không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

17. Bên liên quan

- Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.
- Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày tại **Khoản 2, Mục VII – Thông tin khác** của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ TẠI NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2026

		ĐVT: Đồng	
		Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
1. Tiền			
- Tiền mặt tại quỹ		872.270.461	215.980.783
- Tiền gửi ngân hàng		57.318.768.680	9.407.327.035
Cộng		58.191.039.141	9.623.307.818
2. Các khoản tương đương tiền			
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 đến 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, hình thức trả lãi bao gồm trả lãi khi đáo hạn và lãi nhập gốc, chi tiết như sau:			
		Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước		17.586.926.493	115.454.371.541
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước		1.600.000.000	163.213.501.737
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Phước		-	144.156.148.642
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Bình Phước		-	111.907.680.282
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hàm Nghi		-	57.650.442.909
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đồng Khởi		-	53.941.401.945
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước		-	36.585.786.573
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước		-	32.153.928.951
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước		-	28.528.670.227
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bình Phước		-	12.586.701.646
		19.186.926.493	756.178.634.453

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

	<u>Ngày 30/6/2026</u>	<u>Ngày 01/01/2026</u>
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, hình thức trả lãi bao gồm trả lãi khi đáo hạn và lãi nhập gốc, chi tiết như sau:		
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - CN Bình Phước	174.194.901.945	39.027.644.371
- Ngân hàng TMCP Nam Á - CN Bình Phước	129.990.034.599	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Phước	105.617.300.324	79.234.334.854
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Bình Phước	93.299.619.960	2.806.370.092
- Ngân hàng TMCP Bản Việt - CN Bình Phước	91.428.120.480	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Thạnh	27.652.887.668	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bến Tre	24.540.312.798	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - CN Bình Phước	21.691.790.484	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Bình Phước	20.357.768.181	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Phước	12.363.168.182	-
Cộng	701.135.904.621	121.068.349.317

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Tiền vé số còn phải thu của các đại lý	262.800.171.042	244.251.006.961
+ Mai Hữu Ảnh	18.362.042.475	17.276.681.325
+ Nguyễn Thị Thiên	12.983.170.595	11.993.881.095
+ Hà Thị Thùy Trang	12.175.995.000	10.505.371.000
+ Trần Vũ Anh Đào	8.640.859.116	7.694.230.785
+ Nguyễn Khắc Duy	7.192.317.156	6.901.311.154
+ Trần Diễm Trang	6.914.883.923	8.108.249.893
+ Nguyễn Phú Thương	6.500.867.716	5.903.343.216
+ Nguyễn Đức Đây	5.846.051.530	6.044.016.530
+ Trần Văn Sang	5.677.212.130	5.908.216.630
+ Phan Văn Thái	5.516.139.810	5.106.550.310
+ Nguyễn T.Thùy Dương	5.402.278.189	3.844.381.189
+ Nguyễn Kế Thanh	5.344.451.500	3.612.109.000
+ Huỳnh Trần Nguyên Vũ	5.225.515.310	5.244.896.185
+ Lương Quan Thạch	5.176.213.045	4.845.299.555
+ Trần Thị Trang	4.985.411.500	4.479.823.000
+ Nguyễn Tấn Khoa	4.594.322.980	4.303.165.980
+ Bùi Văn Nghĩa	4.428.210.080	4.535.837.080
+ Tăng Lê Phúc Linh	4.189.921.850	4.268.776.350
+ Nguyễn Kế Đáo	4.072.188.500	2.535.312.000
+ Nguyễn Văn Triệu	3.804.349.830	4.139.122.330
+ Các đối tượng khác	125.767.768.807	117.000.432.354
- Thuế nộp thay đại lý còn phải thu (TNDN)	2.336.220.050	2.183.708.730
- Phải thu khách hàng Khách sạn Bom Bo	95.890.250	112.378.580
Cộng	265.232.281.342	246.547.094.271

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt	40.000.000	40.000.000
- Công ty TNHH SX và TM Golden Way Việt Nam	10.281.600	-
- Công ty TNHH Thu phí Tự động VETC	10.115.148	5.369.147
- Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt	-	48.600.000
- Công ty Cổ phần Tư vấn Kiểm định Xây dựng Sài Gòn	-	1.080.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ - Xây dựng An Phú	-	1.442.000
Cộng	60.396.748	96.491.147

6. Phải thu ngắn hạn khác

- Tiền thuê đất nộp trước	931.692.780	-
- Phải thu tiền vé sai kỹ thuật	27.400.000	-
- Ký cược, ký quỹ	30.000.000	30.000.000
- Tạm ứng	8.200.000	-
- Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	-	81.601.183
- Nộp thừa kinh phí công đoàn	-	24.755.246
- Phải thu BHXH, BHYT nộp thừa	839.670	317.895.670
- Các đối tượng khác	-	10.200.000
Cộng	998.132.450	464.452.099

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

240.000

250.000

Tiền đại lý còn thiếu tuần 04/6/2026.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

8. Hàng tồn kho

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Nguyên vật liệu	121.261.484	127.518.427
- Công cụ, dụng cụ	13.020.000	13.020.000
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.216.000.000	2.814.000.000
- Hàng hoá	54.082.237	17.833.546
- Hàng gửi bán	1.608.000.000	1.407.000.000
Cộng	5.012.363.721	4.379.371.973

9. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Tại ngày 30/6/2026
- Phí bảo hiểm	2.711.664.112	102.067.737	(2.127.670.728)	686.061.121
- Chi phí sửa chữa	194.614.823	103.847.000	(265.813.986)	32.647.837
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	270.309.582	102.575.890	(272.280.019)	100.605.453
- Chi phí quảng cáo và các chi phí khác	440.330.400	3.505.144.000	(1.632.760.997)	2.312.713.403
Cộng	3.616.918.917	3.813.634.627	(4.298.525.730)	3.132.027.814

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	5.000.000.000	580.638.624
---	----------------------	--------------------

Lợi nhuận sau thuế nộp trước.

11. Phải thu dài hạn khác	22.000.000	22.000.000
----------------------------------	-------------------	-------------------

Khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

12. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
- Tại ngày 01/01/2026		75.717.580.991	16.152.586.511	3.991.300.206	3.919.574.978	24.933.680.417	124.714.723.103
- Tăng trong kỳ		-	-	-	-	-	-
- Tại ngày 30/6/2026		75.717.580.991	16.152.586.511	3.991.300.206	3.919.574.978	24.933.680.417	124.714.723.103
Giá trị hao mòn							
- Tại ngày 01/01/2026		20.569.522.633	13.192.859.381	3.549.952.723	2.718.963.999	7.175.731.367	47.207.030.103
- Khấu hao trong kỳ		808.177.004	213.621.068	38.159.963	181.932.817	1.208.327.964	2.450.218.816
- Tại ngày 30/6/2026		21.377.699.637	13.406.480.449	3.588.112.686	2.900.896.816	8.384.059.331	49.657.248.919
Giá trị còn lại							
- Tại ngày 01/01/2026		55.148.058.358	2.959.727.130	441.347.483	1.200.610.979	17.757.949.050	77.507.693.000
- Tại ngày 30/6/2026		54.339.881.354	2.746.106.062	403.187.520	1.018.678.162	16.549.621.086	75.057.474.184
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng							
- Tại ngày 01/01/2026		1.895.066.800	4.721.359.106	2.809.099.187	1.945.100.390	-	11.370.625.483
- Tại ngày 30/6/2026		1.895.066.800	9.310.570.475	3.495.069.409	1.945.100.390	-	16.645.807.074

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

13. Tài sản cố định vô hình

Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất [*]	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Chi tiêu			
Nguyên giá			
- Tại ngày 01/01/2026	14.475.500.000	9.823.575.280	24.299.075.280
- Tăng trong kỳ	-	-	-
- Tại ngày 30/6/2026	14.475.500.000	9.823.575.280	24.299.075.280
Giá trị hao mòn			
- Tại ngày 01/01/2026	-	1.591.959.574	1.591.959.574
- Khấu hao trong kỳ	-	462.796.341	462.796.341
- Tại ngày 30/6/2026	-	2.054.755.915	2.054.755.915
Giá trị còn lại			
- Tại ngày 01/01/2026	14.475.500.000	8.231.615.706	22.707.115.706
- Tại ngày 30/6/2026	14.475.500.000	7.768.819.365	22.244.319.365

[*] Giá trị Quyền sử dụng đất lâu dài tại số 1/118-120 Cư xá Lữ Gia, Phường Phú Thọ, TP.HCM.

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	12.500.000.000	12.500.000.000

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng cơ sở hạ tầng Bình Phước, số lượng cổ phiếu nắm giữ: 12.500 cổ phiếu, mệnh giá cổ phiếu: 1.000.000 Đồng/cổ phiếu, chiếm tỷ lệ sở hữu 8,33% vốn Điều lệ của Công ty được đầu tư.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Tình hình lợi ích từ khoản đầu tư như sau:

Nội dung	Số tiền	Giá trị lũy kế
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2015	3.051.700.000	3.051.700.000
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2017	2.750.000.000	5.801.700.000
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2018	3.165.400.000	8.967.100.000
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2019	4.165.000.000	13.132.100.000
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2020	4.582.000.000	17.714.100.000
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2021	3.249.700.000	20.963.800.000
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2022	1.499.400.000	22.463.200.000
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2023	4.498.200.000	26.961.400.000
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2024	8.662.969.827	35.624.369.827
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2025	14.400.154.176	50.024.524.003
+ Cổ tức thực nhận của niên độ 2026 (VI.27)	4.492.547.966	54.517.071.969

15. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Tại ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Phân bổ trong kỳ	Tại ngày 30/6/2026
- Chi phí sửa chữa	574.149.378	12.000.000	(263.163.334)	322.986.044
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	414.935.011	15.640.000	(131.553.045)	299.021.966
- Chi phí khác	1.025.553	-	(473.334)	552.219
Cộng	990.109.942	27.640.000	(395.189.713)	622.560.229

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

16. Phải trả người bán ngắn hạn

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
- Công ty TNHH TM và DV In Quảng cáo Minh Trí	805.680.000	-
- Hộ kinh doanh Phan Thái Hường	109.872.566	-
- Công ty TNHH VINAHE	96.822.000	-
- Công ty TNHH Thiên Trường Bình Phước	48.600.000	-
- Công ty TNHH Công nghệ & Truyền thông quốc tế Incomtech	31.545.300	31.545.300
- Hộ kinh doanh DV Du lịch Dũng Go	28.000.000	-
- Công ty TNHH DV và PT Đô thị Thăng Long	27.000.000	-
- Công ty TNHH MTV XD Quang Đạt	21.134.684	21.134.684
- Công ty TNHH MTV Vận tải Đức Thủy	13.000.000	-
- Công ty Kiểm định An toàn Việt Nam	12.960.000	-
- Công ty TNHH Tổ chức sự kiện Sao Việt Event	11.200.000	-
- Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Techpro	-	2.720.025.000
- Các đối tượng khác	28.816.031	52.959.000
Cộng	1.234.630.581	2.825.663.984
17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	36.247.911	43.810.448

Khách hàng Khách sạn Bom Bo trả trước tiền thuê phòng, đặt tiệc.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn

	Tại ngày 01/01/2026	Phải nộp trong kỳ	Thực nộp trong kỳ	Tại ngày 30/6/2026
<i>Các khoản thuế phát sinh theo doanh thu, lợi nhuận</i>	666.080.739.379	799.546.385.842	(1.275.418.826.744)	190.208.298.477
- Thuế Giá trị gia tăng (*)	38.261.715.353	300.134.212.015	(298.274.989.275)	40.120.938.093
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	45.877.891.695	395.897.362.057	(387.202.705.138)	54.572.548.614
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	120.028.302.741	103.514.811.770	(123.028.302.741)	100.514.811.770
- Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách	461.912.829.590	-	(466.912.829.590)	(5.000.000.000)
<i>Các loại thuế, phí khác</i>	16.130.778.937	110.014.929.864	(112.342.549.504)	13.803.159.297
- Thuế Thu nhập cá nhân	16.711.417.561	108.129.921.348	(111.038.179.612)	13.803.159.297
<i>Trong đó:</i>				
+ Thuế TNCN từ trúng thưởng	14.202.000.000	81.196.600.000	(84.358.590.000)	11.040.010.000
+ Thuế TNCN Đại lý xổ số	3.203.292.051	25.172.481.690	(25.005.409.110)	3.370.364.631
+ Thuế TNCN từ tiền lương, tiền công	(693.874.490)	1.760.839.658	(1.674.180.502)	(607.215.334)
- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	(580.638.624)	1.885.008.516	(1.304.369.892)	-
Cộng	682.211.518.316	909.561.315.706	(1.387.761.376.248)	204.011.457.774
Trong đó:				
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	682.792.156.940			209.011.457.774
- Thuế nộp thừa (Thuyết minh số V.10)	(580.638.624)			(5.000.000.000)

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

(*) Thuế Giá trị gia tăng

	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Số đầu kỳ	38.261.715.353	32.139.588.743
- Thuế GTGT phát sinh trong kỳ (**)	304.320.709.013	263.007.545.126
- Khấu trừ thuế GTGT đầu vào	(4.186.496.998)	(3.491.568.130)
- Thuế GTGT đầu ra đã nộp trong kỳ	(298.274.989.275)	(252.125.012.191)
- Số cuối kỳ	40.120.938.093	39.530.553.548

() Thuế GTGT phát sinh trong năm chi tiết theo hoạt động**

	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Kinh doanh xổ số truyền thống	303.521.310.895	261.033.426.366
- Kinh doanh xổ số tự chọn	-	1.365.039.092
- Khách sạn Bom Bo	439.720.074	494.431.498
- Các hoạt động khác	359.678.044	114.648.170
Cộng	304.320.709.013	263.007.545.126

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng : 8% và 10%

Thuế Tiêu thụ đặc biệt

Thuế suất thuế Tiêu thụ đặc biệt: 15% trên giá vé phát hành (sau khi loại trừ thuế GTGT).

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Tiền thuê đất

Công ty có nghĩa vụ trả tiền thuê đất hàng năm theo các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐTĐ/ĐC1/2000 ngày 03/11/2017 với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Đồng Nai) làm đại diện để thuê đất xây dựng trụ sở Công ty tại số 725, Quốc lộ 14, Khu phố Tân Bình 2, Phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai.
- Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện và Điều chỉnh hợp đồng thuê đất số 30/ĐCHĐTĐ/ĐC1/108/2010 ngày 26/6/2025 với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Đồng Nai) làm đại diện để thuê đất xây dựng Khách sạn Bom Bo tại Khu phố Tân Bình 2, Phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai.

Lợi nhuận sau thuế nộp ngân sách

Là khoản phải nộp vào ngân sách, sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp và trích lập các Quỹ theo quy định.

Các khoản thuế khác

Thuế Thu nhập cá nhân nộp thay đại lý: 5% trên khoản tiền hoa hồng và phí ủy quyền trả thưởng chi cho đại lý.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

	Ngày 30/6/2026	Ngày 01/01/2026
19. Phải trả người lao động	-	9.454.961.767
- Tiền lương, các khoản có tính chất lương và các khoản khác còn phải trả người lao động.		

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Công ty xác định quỹ tiền lương thực hiện năm 2026 của Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên, Ban Điều hành và Người lao động Công ty căn cứ theo Nghị định số 248/2025/NĐ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ.

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

- Chi phí trả thưởng	50.000.000.000	18.648.300.000
- Các chi phí hoạt động khác	447.621.689	267.360.809
Cộng	50.447.621.689	18.915.660.809

21. Phải trả ngắn hạn khác

- Phải trả chi phí ủy quyền trả thưởng	305.257.000	510.675.600
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	9.800.000
- Nhận ký quỹ, ký cược	86.170.400	50.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.504.898	675.000
Cộng	406.932.298	571.150.600

22. Quỹ Khen thưởng, Phúc lợi

	Tại ngày 01/01/2026	Tăng trong kỳ	Chi trong kỳ	Tại ngày 30/6/2026
- Quỹ Khen thưởng	21.516.911.591	83.538.000	(474.950.000)	21.125.499.591
- Quỹ Phúc lợi	14.624.102.067	-	(8.546.735.089)	6.077.366.978
- Quỹ thưởng Người quản lý DN, KSV	38.009.061	-	(38.009.061)	-
Cộng	36.179.022.719	83.538.000	(9.059.694.150)	27.202.866.569

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

23. Dự phòng rủi ro trả thưởng

- Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được trích lập và sử dụng theo hướng dẫn tại Nghị định số 122/2017/NĐ-CP ngày 13 tháng 11 năm 2017 của Bộ Tài chính, quy định một số nội dung đặc thù về cơ chế quản lý tài chính và đánh giá hiệu quả hoạt động đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số, sở giao dịch chứng khoán và trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- Trong 6 tháng đầu năm 2026, loại hình xổ số truyền thống có tỷ lệ trả thưởng thực tế phát sinh theo doanh thu đạt gần 47% nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch (50%).
- Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng cho 6 tháng đầu năm 2026. Số dư Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tại ngày 30/6/2026 là 0 Đồng.
- Chi tiết tình hình biến động trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
+ Số đầu kỳ	-	131.500.000.000
+ Sử dụng trong kỳ	-	(44.998.700.000)
+ Số cuối kỳ	-	86.501.300.000

24. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
Từ ngày 01/01/2025 đến 30/6/2025					
24.1	Vốn góp của chủ sở hữu	505.500.000.000	-	-	505.500.000.000
24.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	259.548.824.325	-	259.548.824.325
	Cộng	505.500.000.000	259.548.824.325	-	765.048.824.325
Từ ngày 01/01/2026 đến 30/6/2026					
24.1	Vốn góp của chủ sở hữu	505.500.000.000	-	-	505.500.000.000
24.2	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-	374.555.909.286	-	374.555.909.286
	Cộng	505.500.000.000	374.555.909.286	-	880.055.909.286

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2026 ĐẾN NGÀY 30/6/2026

	ĐVT: Đồng	
	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
- Tổng doanh thu	3.041.176.299.292	2.630.545.746.262
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	3.035.213.109.105	2.623.984.654.542
* <i>Xổ số truyền thống</i>	3.035.213.109.105	2.610.334.263.634
* <i>Xổ số tự chọn</i>	-	13.650.390.908
+ Doanh thu bán phế liệu	551.525.926	490.785.184
+ Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	5.411.664.261	6.070.306.536
- Các khoản giảm trừ doanh thu	(395.897.362.057)	(342.258.867.984)
+ Thuế tiêu thụ đặc biệt	(395.897.362.057)	(342.258.867.984)
* <i>Xổ số truyền thống</i>	(395.897.362.057)	(340.478.382.213)
* <i>Xổ số tự chọn</i>	-	(1.780.485.771)
- Doanh thu thuần	2.645.278.937.235	2.288.286.878.278
Trong đó:		
+ Doanh thu kinh doanh xổ số	2.639.315.747.048	2.281.725.786.558
+ Doanh thu bán phế liệu	551.525.926	490.785.184
+ Doanh thu kinh doanh khách sạn Bom Bo	5.411.664.261	6.070.306.536

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

26. Chi phí kinh doanh

	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Chi phí kinh doanh xổ số	2.139.858.183.721	1.917.676.994.870
+ Chi phí trả thưởng	1.595.485.700.000	1.445.926.155.000
* Chi phí trả thưởng xổ số truyền thống	1.595.485.700.000	1.435.688.500.000
* Chi phí trả thưởng xổ số tự chọn	-	10.237.655.000
+ Chi phí trực tiếp phát hành	544.372.483.721	471.750.839.870
* Chi phí cho các đại lý	543.889.847.610	435.411.068.522
* Chi phí phát hành vé	-	34.860.563.600
* Chi phí quay số mở thưởng, giám sát	-	973.207.748
* Chi phí chống số đề	-	30.000.000
* Chi phí dự phòng rủi ro trả thưởng	-	-
* Chi phí thông tin kết quả mở thưởng	422.636.111	416.000.000
* Chi phí đóng góp cho Hội đồng XSKT khu vực	60.000.000	60.000.000
- Giá vốn hàng hoá, dịch vụ đã bán	4.446.858.036	5.217.922.261
+ Giá vốn kinh doanh khách sạn Bom Bo	4.446.858.036	5.217.922.261
Tổng cộng	2.144.305.041.757	1.922.894.917.131

27. Doanh thu hoạt động tài chính

- Lãi tiền gửi ngân hàng	8.170.838.135	9.421.385.784
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.492.547.966	7.736.154.176
Cộng	12.663.386.101	17.157.539.960

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026	Từ 01/01/2025
	đến 30/6/2026	đến 30/6/2025
- Chi phí nhân viên quản lý	16.862.585.787	27.105.320.884
- Chi phí vật liệu quản lý	244.543.386	571.556.890
- Chi phí đồ dùng văn phòng	399.576.311	516.010.524
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.971.993.967	1.162.017.980
- Thuế, phí và lệ phí	994.551.189	721.058.979
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.188.734.469	3.202.380.372
- Chi phí bằng tiền khác	8.315.025.498	25.245.365.439
Cộng	35.977.010.607	58.523.711.068

29. Thu nhập khác

- Hoàn lại quỹ lương thực hiện 2025	413.771.012	-
- Thu thù lao thu hộ vé	128.909.095	190.545.457
- Thu phí dịch vụ SMS	-	4.545.455
- Thu nhập khác	6.301.291	33.853.498
Cộng	548.981.398	228.944.410

30. Chi phí khác

- Các khoản tiền phạt	2.558.586	44.740
- Chi thù lao thu hộ vé	95.272.728	47.636.364
- Chi phí bán giấy phế liệu	40.700.000	25.900.000
Cộng	138.531.314	73.581.104

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

31. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	478.070.721.056	324.181.153.345
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	43.914.284.575	6.556.858.163
- Trừ (-) thu nhập không chịu thuế	(4.492.547.966)	(7.736.154.176)
- Trừ (-) thu nhập chưa tính thuế	-	-
- Cộng (+) thu nhập năm trước chưa tính thuế	81.601.183	159.787.767
- Tổng thu nhập tính thuế	517.574.058.848	323.161.645.099
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	103.514.811.770	64.632.329.020

32. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	544.372.483.721	471.750.839.870
- Chi phí trả thưởng	1.595.485.700.000	1.445.926.155.000
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.237.735.338	1.347.939.834
- Chi phí nhân công	17.849.715.115	28.068.992.457
- Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	399.576.311	516.010.524
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.913.015.157	2.103.069.339
- Thuế, phí và lệ phí	994.551.189	721.058.979
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.714.250.035	5.739.196.757
- Chi phí khác	8.315.025.498	25.245.365.439
Cộng	2.180.282.052.364	1.981.418.628.199

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản cam kết dài hạn

Công ty có thực hiện các hợp đồng thuê đất sau:

- Hợp đồng thuê đất số 04/HĐ/TĐ ngày 25/01/2000; Phụ lục Hợp đồng thuê đất số 233/PL.HĐTĐ/DC1/2000 ngày 03/11/2017 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Đồng Nai) làm đại diện để thuê đất tại:

Địa chỉ lô đất : Số 725, Quốc lộ 14, Khu phố Tân Bình 2, Phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai

Mục đích thuê: : Xây dựng trụ sở Công ty

Diện tích đất : 3.644 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm từ ngày 09/4/1997

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm.

- Hợp đồng thuê đất số 108/HĐ/TĐ ngày 01/11/2010 với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước làm đại diện và Điều chỉnh hợp đồng thuê đất số 30/ĐCHĐTĐ/ĐC1/108/2010 ngày 26/6/2025 với Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước do Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Bình Phước (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường Thành phố Đồng Nai) làm đại diện để thuê đất tại:

Địa chỉ lô đất : Số 685, Quốc lộ 14, Khu phố Tân Bình 2, Phường Bình Phước, Thành phố Đồng Nai

Mục đích thuê: : Xây dựng Khách sạn Bom Bo

Diện tích đất thuê : 2.086,0 m²

Thời gian sử dụng : 50 năm (đến ngày 27/10/2060)

Hình thức thuê đất : Trả tiền thuê hàng năm.

Ngoài các hợp đồng nêu trên, Công ty không còn có bất kỳ khoản cam kết, tài sản tiềm tàng hay nợ tiềm tàng nào có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

2. Tiền lương của Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên

Tiền lương của Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên trong kỳ là: 651.960.000 Đồng, trong đó:

Họ và Tên	Chức vụ	Số tiền
Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy	Chủ tịch	359.580.000
Ông Nguyễn Xuân Hiệp	Kiểm soát viên	292.380.000
Cộng		651.960.000

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc của Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán 2026 cho đến ngày phát hành Báo cáo tài chính này, cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính

Các văn bản luật ban hành và có hiệu lực trong năm 2026 sau đây:

- Nghị định số 245/2026/NĐ-CP ngày 27/06/2026 của Chính phủ gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2026. **Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành đến hết ngày 30 tháng 12 năm 2026.**
- Nghị định số 252/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật quản lý thuế. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Nghị định số 253/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Nghị định số 254/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Nghị định số 255/2026/NĐ-CP ngày 30/06/2026 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với các giao dịch liên kết của những doanh nghiệp có quan hệ liên kết. Kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, các Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05/11/2020 và Nghị định số 20/2025/NĐ-CP ngày 10/02/2025 của Chính Phủ sẽ hết hiệu lực. **Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Thông tư số 20/2026/TT-BTC ngày 12/03/2026 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Nghị định số 320/2025/NĐ-CP ngày 15/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15. Thông tư này thay thế Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 và Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/06/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư có hiệu lực từ ngày 12 tháng 3 năm 2026 và áp dụng kể từ kỳ tính thuế năm 2025.**
- Thông tư số 87/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 253/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập cá nhân. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 89/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 252/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 90/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về đăng ký thuế, thay thế Thông tư số 86/2024/TT-BTC ngày 23/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 91/2026/TT-BTC ngày 30/06/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 254/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 về hóa đơn điện tử, chứng từ điện tử. **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**
- Thông tư số 94/2026/TT-BTC ngày 01/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quy định về quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế (Thu thập, xử lý, quản lý, sử dụng thông tin liên quan đến người nộp thuế phục vụ quản lý tuân thủ, quản lý rủi ro trong quản lý thuế). **Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT VÀ DỊCH VỤ TỔNG HỢP BÌNH PHƯỚC

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

- Thông tư số 95/2026/TT-BTC ngày 01/07/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập và tài sản giữa Việt Nam với các nước và vùng lãnh thổ có hiệu lực thi hành tại Việt Nam; hướng dẫn thực hiện thủ tục thỏa thuận song phương; hướng dẫn áp dụng cơ chế thỏa thuận trước về phương pháp xác định giá tính thuế trong quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Thông tư này thay thế Thông tư 205/2013/TT-BTC ngày 24/12/2013 và Thông tư 45/2021/TT-BTC ngày 18/06/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. **Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.**

Thành phố Đồng Nai, ngày 15 tháng 7 năm 2026

Người lập biểu

Lưu Đức Dũng

Kế toán trưởng

Nguyễn Xuân Cử

Giám đốc



Nguyễn Đăng Khoa



BÁO CÁO MỘT SỐ CHỈ TIÊU NGOẠI BẢNG

(Ban hành kèm theo thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

Kỳ báo cáo: 6 tháng đầu năm 2026

D: Số dư của khoản mục; P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ số cuối kỳ	Năm trước/ số đầu kỳ
1. Nợ phải thu khó đòi		D	1.752.216.046	1.752.216.046
a) Nợ phải thu khó đòi phát sinh trong năm		P		
b) Nợ phải thu khó đòi đã xử lý trong năm		P		
2. Vay và nợ ngắn hạn trong nước		D	-	-
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D		
b) Các khoản vay và nợ ngắn hạn còn lại		D		
3. Vay và nợ ngắn hạn nước ngoài		D		
a) Vay ngắn hạn các tổ chức tín dụng		D		
b) Các khoản vay ngắn hạn khác còn lại		D		
4. Vay và nợ dài hạn trong nước		D		
a) Vay dài hạn các NHTM, TCTD		D		
b) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D		
c) Thuê tài chính dài hạn trong nước		D		
d) Các khoản vay dài hạn trong nước khác		D		
5. Vay và nợ dài hạn nước ngoài		D		
a) Vay lại vốn ODA của Chính phủ		D		
b) Vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh		D		
c) Vay nước ngoài theo hình thức tự vay, tự trả		D		
d) Phát hành trái phiếu (không bao gồm trái phiếu chuyển đổi)		D		
e) Các khoản vay nước ngoài còn lại		D		
6. Vốn điều lệ		D	505.500.000.000	505.500.000.000
7. Thuế và các khoản phát sinh còn phải nộp NSNN năm trước chuyển sang			682.211.518.316	602.382.807.895



D: Số dư của khoản mục; P: Số phát sinh trong kỳ báo cáo

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay/ số cuối kỳ	Năm trước/ số đầu kỳ
8. Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN		P	909.561.315.706	1.989.479.232.780
a) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh nội địa		P	909.561.315.706	1.507.800.778.436
b) Nộp NSNN từ hoạt động kinh doanh XNK		P		
c) Lợi nhuận/cổ tức phát sinh phải nộp NSNN		P		481.678.454.344
9. Thuế và các khoản phát sinh đã nộp NSNN		P	1.387.761.376.248	1.909.650.522.359
Trong đó: Lợi nhuận/cổ tức đã nộp NSNN		P	466.912.829.590	424.896.321.993
10. Thuế và các khoản còn phải nộp NSNN chuyển kỳ sau		D	204.011.457.774	682.211.518.316

Ghi chú:

- Báo cáo này được gửi cùng với BCTC quý, năm.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- UBND TP Đồng Nai;
- Sở Tài chính TP Đồng Nai;
- Cục Thống kê;
- Chủ tịch, BGĐ Cty;
- Kiểm soát viên Cty;
- Lưu VT, KT.

Đồng Nai, ngày 15 tháng 07 năm 2026



Nguyễn Đăng Khoa

